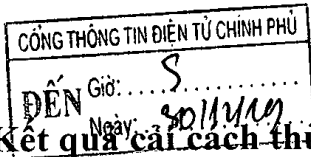


Số: 11840/BC-VPCP

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO****Kết quả cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử;  
kết quả thực hiện nhiệm vụ giao và hoạt động của Tổ công tác năm 2019****I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAO****1. Tình hình****a) Thực hiện nhiệm vụ giao:**

- Các bộ, cơ quan, địa phương chủ động, nghiêm túc hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ giao; đã xác định trách nhiệm cụ thể của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhất là đối với các nhiệm vụ mang tính phức tạp, khó, đòi hỏi nhiều nguồn lực hoặc liên quan đến nhiều cơ quan. Do đó, tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc “đẩy” trách nhiệm lên Thủ tướng Chính phủ được khắc phục về cơ bản.

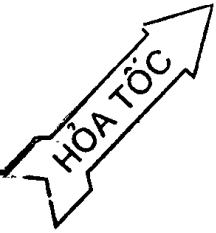
- Khi có khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao, các Bộ, cơ quan, địa phương đã chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan để xử lý hoặc kịp thời báo cáo, tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng xử lý, giải quyết. Một số bộ, cơ quan, địa phương đã chủ động đề xuất về điều chỉnh chính sách hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao chuyển biến rất tích cực, cơ bản bảo đảm thực chất. Cụ thể: Trong năm, có tổng số 11.258 nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Trong đó, có 6.368 nhiệm vụ đến hạn đã hoàn thành; chưa hoàn thành trong hạn: 4.671, số nhiệm vụ quá hạn 219, chiếm 1,9%.

- Tài liệu phục vụ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội được gửi đầy đủ, kịp thời trước khi khai mạc các phiên họp. Năm 2019, đã chuẩn bị 94 Báo cáo, Tờ trình, dự án luật, Nghị quyết (gồm: 15 báo cáo trình bày tại hội trường; 58 báo cáo gửi đại biểu Quốc hội; 21 dự án Luật trình Quốc hội).

- Tại Hội nghị Chính phủ với địa phương tháng 6, Chính phủ nhận được 446 kiến nghị phát biểu trực tiếp và qua văn bản. Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ đã xử lý và trả lời 442/446 kiến nghị; còn 04 kiến nghị, các Bộ đang tiếp tục xử lý, trả lời cho địa phương.

Tuy nhiên, một số nhiệm vụ liên quan đến hoàn thiện thể chế, chính sách, xử lý các vấn đề dư luận quan tâm, giải pháp cho tăng trưởng, triển khai thực hiện chưa bảo đảm đúng tiến độ yêu cầu, như: Việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng; hình thức đầu tư hạ tầng cảng hàng không; rà soát, đánh giá



sự phù hợp của quy định về hạn mức lãi vay được khấu trừ; rà soát, điều chỉnh hệ thống định mức dự toán và chi phí đầu tư xây dựng công trình giao thông (ưu tiên thực hiện trước việc xác định suất vốn đầu tư 01 km đường bộ cao tốc); Nghị định thay thế Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; xử lý các vướng mắc bất cập tại các Nghị định số 126/2017/NĐ-CP chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; bổ sung Nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết...

b) Kết quả thực hiện các đề án trong Chương trình công tác

- Các bộ, cơ quan đã chủ động trong việc xây dựng, trình các đề án trong Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chất lượng chương trình công tác chuyển biến tích cực hơn; việc điều chỉnh tiến độ trình, việc xin lùi, xin rút được khắc phục bước đầu.

- Các đề án trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư được thực hiện bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng, không chậm nợ. Đã trình 16/16 Đề án, đạt 100%.

Tuy nhiên, chất lượng chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ còn một số tồn tại, việc nợ đọng các đề án chưa được khắc phục triệt để. Năm 2019, có 511 đề án giao. Trong đó, có 70 đề án xin chuyển/xin rút; còn 441 đề án phải trình. Hiện đã trình 405 đề án, đạt 92% - tăng 9,4% so với năm 2018; đã ban hành: 268 đề án, chiếm 67,3% số đề án đã trình; số đề án chưa trình: 36 (đây là những đề án có nội dung phức tạp, cần có thời gian nghiên cứu thêm).

c) Việc ban hành văn bản quy định chi tiết Luật, Pháp lệnh

- Trong năm qua, các Bộ, ngành đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong công tác hoàn thiện thể chế, nhiều văn bản quy phạm pháp luật được kịp thời xây dựng, trình ban hành, bước đầu đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự mong đợi của người dân. Công tác xây dựng, trình ban hành văn bản quy định chi tiết được các bộ, cơ quan chỉ đạo quyết liệt; các văn bản quan trọng, liên quan đến thúc đẩy tăng trưởng, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp được ban hành kịp thời.

Tuy nhiên, còn một số văn bản quy định chi tiết nợ đọng kéo dài, chưa được xử lý dứt điểm, gây khó khăn, lúng túng trong việc thi hành luật, pháp lệnh, như Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cạnh tranh; Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập; Nghị định quy định chi tiết và thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và một số Nghị định liên hướng dẫn Luật an ninh mạng...

Đặc biệt, so với năm 2018, tình hình nợ đọng văn bản quy định chi tiết không có chuyển biến (thậm chí hạn chế hơn). Trong năm 2019, có tổng số 56 văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Pháp lệnh có hiệu lực từ 01/01/2019 và 01/7/2019. Trong đó, đã ban hành: 45 văn bản văn bản; còn 11 văn bản nợ ban hành, chiếm 19,6%

(tăng 7 văn bản – tăng 12,7% so với năm 2018), thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan: Công an (06); Công Thương (03); Giáo dục và Đào tạo (01); Thanh tra Chính phủ (01) - *Phụ lục II*.

- Ngoài ra, các Bộ, cơ quan có 60 văn bản quy định chi tiết phải ban hành và trình ban hành trong thời gian tới (33 Nghị định, 26 Thông tư, 01 Thông tư liên tịch). Trong đó, có 26 văn bản phải trình ban hành trước 15/11/2019 để bảo đảm có hiệu lực 01/01/2020 cùng với các Luật, Pháp lệnh, thuộc trách nhiệm của các Bộ, cơ quan: Công an: 11; Kế hoạch và Đầu tư: 04; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04; Công Thương: 02; Quốc phòng: 02; Y tế: 02; Tư pháp: 01 - *Phụ lục III*.

## **2. Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương**

- Quyết liệt hơn nữa trong việc thực hiện nhiệm vụ giao với tinh thần không để nợ đọng nhiệm vụ, không chờ đến hạn mới xử lý, thực hiện, nhất là đối với các bộ, cơ quan, địa phương có số nhiệm vụ quá hạn nợ đọng nhiều, lặp lại hàng năm nhưng chưa được khắc phục triệt để; khi có khó khăn, vướng mắc cần chủ động tìm giải pháp tháo gỡ hoặc thông tin, phản ánh, phối hợp kịp thời với Văn phòng Chính phủ để tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng xử lý, giải quyết.

- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan tiếp tục đề cao vai trò, trách nhiệm; thường xuyên đôn đốc và trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng trình ban hành văn bản quy định chi tiết; chịu trách nhiệm giải trình trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội nếu để nợ đọng.

- Đối với 11 văn bản chi tiết nợ ban hành, đề nghị các Bộ: Công an, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền trước 15/01/2020, giải quyết dứt điểm tình trạng nợ ban hành văn bản của năm 2019.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ với Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ để kịp thời có giải pháp tháo gỡ hoặc tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng giải quyết, xử lý các vấn đề, nội dung còn có ý kiến khác nhau, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa các khâu xây dựng, ban hành văn bản, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

- Đối với 26 văn bản phải ban hành trước 15/11/2019 để bảo đảm có hiệu lực từ 01/01/2020 cùng với các luật, pháp lệnh, đề nghị các bộ, cơ quan có giải pháp hiệu quả, tập trung cao độ các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền, không để tình trạng nợ đọng tiếp theo.

- Tiếp tục tập trung, ưu tiên cho công tác hoàn thiện thể chế; nghiên cứu, rà soát những vướng mắc tại các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, của Bộ, ngành mình và của các Bộ, ngành khác có liên quan để phát hiện những quy định bất hợp lý, đặc biệt là những quy định còn là rào cản, gây cản trở đến đầu tư, kinh doanh... chủ động kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung kịp thời hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền để tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho người dân và doanh nghiệp.

- Bộ Tư pháp tiếp tục thực hiện tốt việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết; kịp thời tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, trình ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, nhất là đối với các văn bản đang nợ đọng.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CÔNG TÁC NĂM 2019

### 1. Kết quả đạt được

a) Trong năm 2019, Tổ công tác đã tiến hành 20 cuộc kiểm tra đối với 24 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 17 địa phương (Hà Nội, Hải Phòng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Quảng Ninh. Trong đó, có nhiều bộ, cơ quan, địa phương được kiểm tra 2-3 lần trong năm 2019, như: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Công an, Quốc phòng, Y tế, Giao thông vận tải, Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng...) về: Công tác hoàn thiện thể chế, tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết (03 cuộc); việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP và nhiệm vụ liên quan đến xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính (06 cuộc); tình hình nhập khẩu các lô hàng phế liệu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất (01 cuộc); rà soát các quy định đang gây khó khăn, vướng mắc đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp nhẹ (02 cuộc); việc đơn giản, cắt giảm danh mục hàng hóa KTCN, ĐKKD thực chất và để thống nhất, đề xuất xử lý vấn đề chồng chéo, bất cập trong công tác hoạt động KTCN (02 cuộc); đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan trong việc khẩn trương xây dựng, trình các đề án trong CTCT (03 cuộc); đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định liên quan đến cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận, giả mạo xuất xứ (01 cuộc); việc thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và việc bãi bỏ văn bản ban hành trái pháp luật của các bộ, cơ quan (1 cuộc); việc thực hiện nhiệm vụ giao liên quan đến thanh toán, trả nợ nước ngoài (01 cuộc).

- Ngoài ra, Tổ công tác đã có 04 cuộc làm việc với các Hiệp hội doanh nghiệp (Giấy và Bột giấy Việt Nam, Nhựa, Nhựa tái sinh, Dệt may Việt Nam, Da, Giày - Túi xách VN, Bao bì VN, Chế biến thực phẩm VN, Xuất khẩu thủy sản VN, Phân bón VN, Chăn nuôi VN, Kinh doanh và sản xuất thuốc thú y VN, Gỗ và lâm sản VN, Chăn nuôi gia cầm VN, Thức ăn chăn nuôi VN, Thép Việt Nam, Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu Việt Nam) và các cơ quan tham vấn (Phòng Thương mại và Công nghiệp VN, Viện nghiên cứu QLKT TƯ, Viện Kinh tế Việt Nam) để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, những rào cản hành chính và về tình hình về cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), gian lận, giả mạo xuất xứ hàng hóa.

b) Thông qua các cuộc kiểm tra, kịp thời phát hiện những bất cập, chồng chéo về cơ chế, chính sách, những khoảng trống pháp lý hoặc những khó khăn, vướng mắc, những rào cản hành chính mà người dân và doanh nghiệp đang gặp phải để kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu bộ, cơ quan, địa phương có giải pháp khắc

phục, chấn chỉnh kịp thời nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở các kiến nghị của của Tổ công tác, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện 72 nhiệm vụ cụ thể để khắc phục, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập liên quan đến công tác hoàn thiện thể chế và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Trong đó, Chính phủ yêu cầu rà soát để xây dựng, sửa đổi, bổ sung: 15 Nghị định, 02 Quyết định, 09 Thông tư; 01 Nghị quyết; 01 Đề án.

Đến nay, 20/28 văn bản đã được ban hành, có hiệu lực để tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp (10 Nghị định, 02 Quyết định và 08 Thông tư); 05 văn bản đã báo cáo, trình Chính phủ (đang được xử lý theo quy trình); 02 văn bản còn trong hạn; 01 văn bản chậm trình (Thông tư về tiêu chí, quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật trong xây dựng Công dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, tỉnh), đang tích cực xây dựng. Trong đó, có nhiều văn bản ban hành đã ghi dấu ấn về tinh thần cải cách mạnh mẽ, cầu thị, quyết liệt của các bộ, cơ quan như: Nghị định 84/2019/NĐ-CP về quản lý phân bón, Nghị định 40/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Nghị quyết 110/NĐ-CP ngày 02/12/2019 Nghị quyết về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch; Thông tư số 01/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ quy định bất cập liên quan đến quy trình kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu dùng làm nguyên liệu sản xuất; Nghị định 69/2019/NĐ-CP về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao; Thông tư 05/2019/TT-BKHHCN về hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2017/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa; Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi QLNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thông tư số 11/TT-BNNPTNT về kiểm dịch sản phẩm thủy sản; quy định về ngưỡng MRPL của các chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh cho hàng thủy sản tiêu thụ nội địa...

Phản hồi của Hiệp hội doanh nghiệp ghi nhận những chỉ đạo thiết thực, cụ thể của Chính phủ và các Bộ đã kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, thể hiện tinh thần đồng hành với doanh nghiệp.

c) Các bộ, cơ quan, địa phương được kiểm tra đều đánh giá cao nhiệm vụ và tinh thần trách nhiệm của Tổ công tác, đã hỗ trợ rất lớn cho các bộ, cơ quan, địa phương trong việc tìm kiếm các giải pháp để triển khai thực hiện có hiệu quả, bảo đảm đúng yêu cầu về tiến độ và chất lượng thực hiện các nhiệm vụ giao. Đồng thời, qua kiểm tra đã tác động tích cực đến việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các bộ, cơ quan, địa phương. Sau các cuộc kiểm tra của Tổ công tác, việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được thực hiện khẩn trương, kịp thời và nghiêm túc hơn (*số nhiệm vụ quá hạn chỉ còn 1,9%, giảm 23,1% so với trước khi thành lập Tổ công tác*), nhất là các nhiệm vụ giao liên quan đến bảo đảm tăng trưởng, an

sinh xã hội, cải cách hành chính và giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra được khẩn trương thực hiện, như: việc trình ban hành Nghị định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh, đã kịp thời tạo hành lang pháp lý hiệu quả bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; xử lý các vướng mắc về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng...

d) Sau các cuộc kiểm tra chuyên đề về cải cách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động KTCN đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và việc rà soát, đơn giản, cắt giảm các ĐKKD để tạo dư địa cho tăng trưởng trong năm 2019 tiếp tục tạo hiệu ứng, lan tỏa tích cực. Việc cắt giảm, đơn giản hóa danh mục hàng hóa KTCN và ĐKKD được toàn diện, bảo đảm thực chất hơn, nhất là trong khâu thực thi.

- Về KTCN: Việc chồng chéo một mặt hàng phải thực hiện cùng lúc nhiều thủ tục, chịu nhiều hình thức quản lý, KTCN của nhiều bộ, cơ quan (1.501 mặt hàng chồng chéo trên tổng số 3.270) đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao một đầu mối thực hiện.

Từ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến nay nhiều bộ đã phân định tập trung một đầu mối kiểm tra chuyên ngành, giảm chồng chéo, phiền hà cho doanh nghiệp. Với 1.501 mặt hàng chồng chéo đang được xử lý theo hướng tập trung đầu mối kiểm tra chuyên ngành (như: nhóm sản phẩm tời điện, nồi hơi trong các xí nghiệp công nghiệp/giao thông vận tải; nhóm thiết bị gia dụng nhập khẩu; nhóm hàng hóa: Ra đa; hệ thống lạnh; sữa, sản phẩm từ sữa; chất hỗ trợ chế biến Casein; bột, tinh bột có nguồn gốc từ thực vật). Trong cải cách này, ghi nhận những nỗ lực của các Bộ: Công Thương<sup>1</sup>, Tài chính<sup>2</sup>, Nông nghiệp và phát triển nông thôn<sup>3</sup>, Y tế<sup>4</sup>... Để cải cách triệt để, toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính xây dựng Đề án cải cách kiểm tra chuyên ngành theo hướng cơ quan Hải quan là đầu mối kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu, bộ quản lý chuyên ngành thực hiện hậu kiểm.

*Đến nay, đã cắt giảm 6.776/9.926 danh mục dòng hàng phải kiểm tra chuyên ngành và 30/120 thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành.*

- Về ĐKKD: Một số ĐKKD đưa ra yêu cầu quá mức cần thiết, can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc quy định mang tính chung chung, như “Có khả năng tài chính, nhân sự phù hợp với phương án kinh doanh”; “phải đảm bảo các quy định bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật”... đã được rà soát và bãi bỏ. *Đến nay đã cắt giảm, đơn giản hóa 3.654/6.191 điều kiện kinh doanh.*

<sup>1</sup> Trình sửa 9 Nghị định cắt giảm, chuyển sang hậu kiểm 97 điều kiện, đơn giản hóa 43 điều kiện kinh doanh.

<sup>2</sup> Trình Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

<sup>3</sup> Đã bãi bỏ, sửa đổi theo hướng đơn giản 147 điều kiện kinh doanh, về kiểm tra chuyên ngành đã cắt giảm 76,7% dòng hàng phải gắn mã hồ sơ

*Với việc cắt giảm 6.776 dòng hàng phải KTCN và 3.654/6.191 ĐKKD nêu trên đã tiết kiệm chi phí cho xã hội và doanh nghiệp khoảng hơn 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm.*

đ) Với các cuộc kiểm tra của Tổ công tác về xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính đã thúc đẩy mạnh mẽ các bộ, cơ quan, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và việc triển khai kết nối liên thông gửi, nhận văn bản điện tử và đạt được nhiều kết quả tích cực. Cụ thể:

- Về xây dựng Chính phủ điện tử và việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính:

+ Xác định những nội dung bút phá trong xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số, bảo đảm gắn kết giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, tạo sự minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 83 nhiệm vụ phát triển Chính phủ điện tử, 16 nhiệm vụ về văn bản điện tử (tại Nghị quyết 17/NQ-CP). Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định (số 09/2019/NĐ-CP và Nghị định số 73/2019/NĐ-CP) và 4 Nghị quyết thông qua chính sách xây dựng 4 Nghị định làm cơ sở pháp lý cho việc vận hành chính phủ điện tử.

Thủ tướng đã phê duyệt Đề án Công Dịch vụ công quốc gia và chính thức đưa Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin phục vụ họp của Chính phủ (e-cabinet) và Công Dịch vụ công quốc gia vào vận hành. Việc triển khai Chính phủ điện tử minh bạch, rõ mục tiêu, rõ phương pháp, từ những việc cụ thể, nên đã huy động được sự vào cuộc của khu vực tư nhân, hỗ trợ của quốc tế, những chuyên gia giỏi trong và ngoài nước.

+ Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, 95/95 cơ quan nhà nước đã thực hiện gửi nhận văn bản điện tử, trong đó, 64/94 bộ, ngành, địa phương, cơ quan đã thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử 3 cấp chính quyền. Sau gần 9 tháng vận hành, đã có hơn 1 triệu văn bản (300.000 văn bản gửi, 700.000 văn bản nhận) trên Trục liên thông quốc gia. Tính toán sơ bộ, tiết kiệm được trên 1.200 tỷ đồng mỗi năm. Ghi nhận sự nỗ lực của các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ ...; các tỉnh: Quảng Ninh, Sơn La, Long An, An Giang, Kon Tum, Cần Thơ, Hà Giang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Quảng Ngãi.

+ Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ e-Cabinet vận hành, góp phần giảm thời gian họp, đẩy mạnh xử lý công việc qua môi trường mạng. Ngoài phục vụ các phiên họp Chính phủ thường kỳ không giấy tờ, trong 6 tháng xử lý 186 Phiếu điện tử lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế 5.022 Phiếu giấy.

+ Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ mối quan hệ giữa Chính phủ với người dân, doanh nghiệp trong cung ứng dịch vụ công, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan, chỉ sau 9 tháng triển khai, đã đưa Công dịch vụ công chính thức vận hành với 8 nhóm dịch vụ công được thực hiện trên Cổng. Qua tính toán sơ bộ, tổng chi

phí tiết kiệm khi thực hiện 8 nhóm dịch vụ khoảng 4.222 tỷ đồng/năm, trong đó, tiết kiệm từ vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia khoảng 1.736 tỷ đồng. Chỉ sau 15 ngày khai trương, đã có 5,5 triệu lượt truy cập, 13.445 tài khoản đăng ký, 1.070 cuộc gọi đến tổng đài giải đáp, 47.378 hồ sơ đồng bộ lên Cổng, 4.176 hồ sơ nộp trực tuyến.

+ 59/63 địa phương đã tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, tạo tiền đề quan trọng cho việc công khai minh bạch kết quả giải quyết thủ tục hành chính, giảm phiền hà, tham nhũng vặt. Ghi nhận và đánh giá cao sự tích cực phối hợp của các Bộ, cơ quan: Công Thương, Tài chính, Giao thông vận tải, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các địa phương: Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định, Hà Nam, Quảng Nam, Kon Tum, Tây Ninh. Đây cũng là những cơ quan, đơn vị đầu tiên thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện kỹ thuật, kết nối cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Cổng dịch vụ công quốc gia chính thức được hoạt động là một dấu mốc quan trọng trong mục tiêu triển khai Chính phủ điện tử, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ và đã được nhiều tổ chức uy tín bình chọn là một trong 10 sự kiện nổi bật của năm 2019 (*Thông tấn xã Việt Nam, Thời báo Tài chính Việt Nam, Câu lạc bộ Nhà báo Khoa học và Công nghệ Việt Nam*).

Tuy nhiên, còn một số địa phương chưa quan tâm xử lý hồ sơ từ Cổng (Sở Giao thông vận tải Nghệ an có hồ sơ từ 9/12 nhưng không tiếp nhận); có địa phương không chấp nhận văn bản ký số điện tử vẫn yêu cầu bản giấy; xảy ra một số lỗi kỹ thuật do quá trình kết nối, tích hợp. Đây là những vấn đề phải chấn chỉnh, khắc phục ngay.

- Về cải cách thủ tục hành chính:

+ Kênh tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp phát huy tác dụng tích cực. Trong năm, đã tiếp nhận 6.746 phản ánh, kiến nghị; trong đó có 1.580 phản ánh, kiến nghị thuộc phạm vi xem xét, xử lý; đã tiến hành phân loại và chuyển xử lý 1.165 phản ánh, kiến nghị; còn 415 phản ánh, kiến nghị đang được bổ sung hồ sơ. Người dân và doanh nghiệp phản hồi hài lòng với kết quả giải quyết của cơ quan nhà nước.

+ Việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông ngày càng đi vào nề nếp. Cả nước có 55/63 trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đã được nâng lên, tỷ lệ giải quyết đúng hẹn đạt 95,8%. Nhiều địa phương tổ chức tốt giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp như: Quảng Ninh, Đồng Nai, Tây Ninh, Hà Giang, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Vĩnh Phúc...

Những đóng góp tích cực trên của các Bộ, cơ quan, địa phương, tạo sự cộng hưởng mạnh mẽ đối với chỉ số cải cách quốc gia. Năm 2019, vị trí của Việt Nam cải thiện mạnh mẽ trên bảng xếp hạng uy tín của các Tổ chức quốc tế. Năng lực cạnh tranh toàn cầu GCI 4.0 tăng 10 bậc<sup>5</sup>, từ vị trí thứ 77 lên thứ 67/141 quốc gia, xếp thứ

<sup>5</sup> Theo công bố của Diễn đàn kinh tế thế giới



7 trong ASEAN và là quốc gia có điểm số tăng mạnh nhất toàn cầu. Đứng thứ 8/80 và thuộc trong số 10 quốc gia top đầu có nền kinh tế tốt nhất để đầu tư, tăng 15 bậc từ vị trí xếp thứ 23 năm 2018<sup>6</sup> (cao hơn Chi Lê thứ 9/80, New Zealand thứ 10/80).

## 2. Đề xuất, kiến nghị:

### a) Về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là việc xây dựng Kế hoạch cắt giảm các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp giai đoạn 2020-2025, bảo đảm thực hiện đúng Nghị quyết của Chính phủ “ban hành mới 1 văn bản thì phải bãi bỏ ít nhất 1 văn bản và cắt giảm gánh nặng chi phí hành chính”; nhiệm vụ này sẽ bắt đầu triển khai từ năm 2020.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách, cắt giảm thực chất điều kiện kinh doanh, tạo đột phá trong cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo Đề án Thủ tướng phê duyệt theo hướng điện tử hóa, hướng tới hải quan điện tử, phù hợp chuẩn mực quốc tế; tập trung đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu là cơ quan hải quan; bộ quản lý chuyên ngành thực hiện hậu kiểm.

- Tiếp tục phát huy có hiệu quả kênh thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân và chấn chỉnh hành vi những nhiều, thờ ơ, vô cảm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

- Phát huy vai trò của Tổ công tác, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ trong việc đối thoại, nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính. Duy trì đều đặn và có hiệu quả, thực chất việc đối thoại giữa cơ quan nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh.

### b) Về xây dựng chính phủ điện tử

- Tập trung hoàn thiện thể chế nền tảng của Chính phủ điện tử trong Quý I năm 2020 trình Chính phủ ban hành các nghị định: Nghị định sửa đổi Nghị định 110/2006/NĐ-CP, Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử, Nghị định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số, Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Nghị định thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Tiếp tục tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến cấp độ 3 - 4 trên Cổng Dịch vụ công các bộ, địa phương tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng lộ trình đã được Thủ tướng phê duyệt (30% tổng số dịch vụ công/tổng số dịch vụ công trực tuyến năm 2020 và cứ mỗi năm tiếp tục tích hợp 20%).

- Hiện thực hóa bộ, ngành, địa phương không giấy tờ; các bộ, ngành, địa phương xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử theo lộ trình phù hợp, đồng thời thực hiện nghiêm túc việc triển khai gửi nhận văn bản điện tử có ký số giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp chính quyền; đến tháng 6/3020 hoàn thành nhiệm vụ

<sup>6</sup> Theo Tạp chí US News & World

gửi nhận văn bản điện tử tại 4 cấp chính quyền; từng bước đưa vào vận hành Hệ thống thông tin tham vấn chính sách, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và nhân rộng hợp e-cabinet, Hệ thống thông tin quản lý văn bản điều hành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

c) Một số vấn đề khác

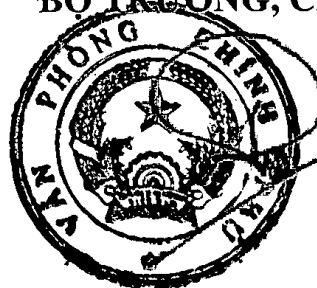
- Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép công bố công khai kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các bộ, cơ quan, địa phương trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ hàng tháng, hàng quý; có biểu dương, khen thưởng các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ giao; phê bình, kiểm điểm nghiêm khắc đối với các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện chưa nghiêm túc (số nhiệm vụ quá hạn còn nhiều).

- Trong năm 2020, Tổ công tác tiếp tục kiểm tra các bộ, cơ quan, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, đặc biệt sẽ tập trung kiểm tra chuyên đề về công tác hoàn thiện thể chế và việc ban hành văn bản theo thẩm quyền nhằm khắc phục và xử lý triệt để tình trạng ban hành các văn bản trái thẩm quyền, trái quy định; kiểm tra chuyên đề trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02 và các Nghị quyết chuyên đề quan trọng, có phạm vi tác động lớn, liên quan đến chủ trương cải cách và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đến an sinh xã hội, đời sống người dân cần khẩn trương thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Tổng Bí thư, Chủ tịch nước;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Các thành viên Chính phủ;
- Các đại biểu dự Hội nghị CP với ĐP;
- Các thành viên Tổ công tác của TTg;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: Các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Cổng thông tin điện tử CP;
- Lưu: VT, TH (3b).L 112

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**



**Mai Tiên Dũng**



**Phụ lục I**  
**Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 1840/BG-TT-PCP ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ)*

STT	Cơ quan được giao	Tổng số văn bản giao nhiệm vụ	Tổng số nhiệm vụ giao	Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
				Đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Bộ Công an	128	206	36	24	144	2
2	Bộ Quốc phòng	85	135	26	27	76	6
3	Văn phòng Chính phủ	52	100	95	0	5	0
4	Bộ Ngoại giao	61	103	101	0	2	0
5	Bộ Nội vụ	133	208	104	46	58	0
6	Bộ Tư pháp	95	149	122	0	27	0
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	413	628	307	184	130	7
8	Bộ Tài chính	304	452	218	5	229	0
9	Bộ Công Thương	256	367	147	37	179	4
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	178	260	240	0	30	0
11	Bộ Giao thông vận tải	293	417	186	73	156	2

12	Bộ Xây dựng	164	218	135	28	55	0
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	267	378	262	0	116	0
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	108	718	523	36	158	1
15	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	114	193	96	0	97	0
16	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	87	132	88	14	30	0
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	98	148	61	0	87	0
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	134	186	76	0	100	0
19	Bộ Y tế	87	141	29	26	86	0
20	Ủy ban Dân tộc	51	96	28	7	61	0
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	91	137	114	0	23	0
22	Thanh tra Chính phủ	108	155	42	48	60	5
23	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	10	83	56	0	27	0
24	Đài Tiếng nói Việt Nam	8	8	1	0	6	1
25	Đài Truyền hình Việt Nam	11	11	3	0	7	1
26	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	1	1	0	0	1	0
27	Thông tấn xã Việt Nam	8	8	0	0	6	2
28	UBND Thành phố Hà Nội	100	142	50	36	56	0

29	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	101	141	86	42	13	0
30	UBND Thành phố Hải Phòng	52	86	61	0	25	0
31	UBND Thành phố Đà Nẵng	51	86	7	1	61	17
32	UBND Thành phố Cần Thơ	52	87	38	0	48	1
33	UBND Cao Bằng	48	82	20	2	57	3
34	UBND Lạng Sơn	48	82	72	5	5	0
35	UBND Lai Châu	46	80	23	12	45	0
36	UBND Điện Biên	47	81	30	14	37	0
37	UBND Hà Giang	47	80	13	13	54	0
38	UBND Sơn La	46	80	38	6	35	1
39	UBND Tuyên Quang	46	80	53	0	26	1
40	UBND Yên Bái	46	79	62	8	9	0
41	UBND Lào Cai	49	83	9	4	63	7
42	UBND Bắc Kạn	47	81	31	7	40	3
43	UBND Thái Nguyên	47	80	53	0	27	0
44	UBND Phú Thọ	45	79	16	5	50	8
45	UBND Vĩnh Phúc	45	79	50	1	26	2

46	UBND Bắc Giang	48	82	18	0	63	1
47	UBND Bắc Ninh	44	78	41	0	37	0
48	UBND Hòa Bình	45	79	60	0	19	0
49	UBND Quảng Ninh	57	93	83	0	10	0
50	UBND Hải Dương	49	85	5	7	67	6
51	UBND Hưng Yên	42	75	47	2	25	1
52	UBND Thái Bình	46	80	45	1	34	0
53	UBND Hà Nam	49	83	18	5	60	0
54	UBND Nam Định	49	84	38	1	45	0
55	UBND Ninh Bình	46	81	13	6	62	0
56	UBND Thanh Hóa	55	91	23	2	66	0
57	UBND Nghệ An	49	85	6	15	62	2
58	UBND Hà Tĩnh	49	85	6	6	67	6
59	UBND Quảng Bình	53	88	75	0	13	0
60	UBND Quảng Trị	50	86	13	6	64	3
61	UBND Thừa Thiên Huế	54	97	67	1	29	0
62	UBND Quảng Nam	59	94	56	4	34	0

63	UBND Quảng Ngãi	49	84	63	2	18	1
64	UBND Bình Định	48	82	81	0	1	0
65	UBND Phú Yên	50	84	43	7	33	1
66	UBND Khánh Hòa	52	87	16	2	69	0
67	UBND Ninh Thuận	49	86	62	0	24	0
68	UBND Bình Thuận	48	83	45	1	37	0
69	UBND Gia Lai	51	86	19	1	66	0
70	UBND Kon Tum	50	87	60	5	20	2
71	UBND Đắk Lắk	48	82	38	7	35	2
72	UBND Đắk Nông	49	83	29	2	52	0
73	UBND Lâm Đồng	52	86	49	4	31	2
74	UBND Đồng Nai	53	88	1	12	70	5
75	UBND Bà Rịa - Vũng Tàu	45	79	15	9	52	3
76	UBND Long An	59	95	21	5	67	2
77	UBND Tây Ninh	48	84	6	11	66	1
78	UBND Bình Dương	49	84	83	0	1	0
79	UBND Bình Phước	49	83	0	0	66	17

80	UBND Tiền Giang	62	100	61	8	28	3
81	UBND Bến Tre	49	84	60	4	18	2
82	UBND Hậu Giang	51	88	13	8	64	3
83	UBND Sóc Trăng	49	84	48	5	30	1
84	UBND Đồng Tháp	52	89	33	0	56	0
85	UBND Vĩnh Long	46	81	77	0	4	0
86	UBND Trà Vinh	54	89	82	4	3	0
87	UBND An Giang	54	90	26	4	57	3
88	UBND Kiên Giang	56	97	2	13	72	10
89	UBND Bạc Liêu	49	83	38	8	33	4
90	UBND Cà Mau	52	95	36	5	53	1
91	HĐND Quảng Ninh	1	1	0	0	1	0
92	HĐND Quảng Bình	1	1	0	0	1	0
93	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	2	18	18	0	0	0
94	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	1	2	0	0	2	0
95	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản VN	3	3	0	0	2	1
96	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	4	4	0	0	3	1



97	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12	13	10	0	3	0
98	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1	1	0	0	1	0
99	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	1	1	0	0	1	0
100	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	1	1	1	0	0	0
101	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	3	4	0	0	3	1
102	Ngân hàng Chính sách xã hội	3	4	2	0	2	0
103	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	2	2	0	0	0	2
104	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	3	3	0	0	3	0
105	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	6	9	0	0	5	4
106	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	1	2	0	0	2	0
107	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	3	5	0	0	5	0
108	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1	1	0	0	1	0
109	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	1	1	0	0	1	0
110	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	1	2	0	0	2	0
111	Tòa án nhân dân tối cao	6	6	0	0	5	1
112	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	1	1	0	0	0	1
113	Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	7	11	0	0	7	4

114	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	3	3	0	0	2	1
115	Đại học Quốc gia Hà Nội	7	7	0	0	4	3
116	Kiểm toán Nhà nước	1	1	0	0	1	0
117	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	2	2	0	0	0	2
118	Báo Nhân dân	1	1	0	0	1	0
119	Ban Tôn giáo Chính phủ	1	2	0	0	2	0
120	Hội Nhà báo Việt Nam	1	1	0	0	1	0
121	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	46	64	27	0	37	0
122	Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia	1	1	1	0	0	0
	<b>Tổng số</b>		<b>11258</b>	<b>5347</b>	<b>1021</b>	<b>4671</b>	<b>219</b>



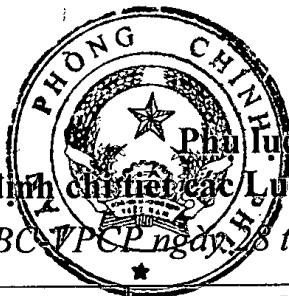
Phụ lục II  
Danh mục văn bản chi tiết nợ đọng

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 11840/BC-VPCP ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ)

TT	Bộ cơ quan	Luật/pháp lệnh hướng dẫn	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Thời hạn trình	Đơn vị theo dõi của VPCP	Trạng thái	Ý kiến Tình hình xử lý
1	Bộ Công an (06 văn bản)	01/07/2019 Hướng dẫn Luật Công an nhân dân	Nghị định về phát triển công nghiệp an ninh (khoản 4 Điều 34)	01/04/2019	Vụ Nội chính	Đang xử lý	PTTg Thường trực Trương Hòa Bình đã chủ trì theo chỉ đạo của TTg
2			Nghị định quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy (khoản 2 Điều 17)	01/04/2019	Vụ Nội chính	Đang xử lý	Đang trình TTg
3			Nghị định quy định việc biệt phái sĩ quan Công an nhân dân (khoản 4 Điều 29)	01/04/2019	Vụ Nội chính	Đang xử lý	PTTg Thường trực Trương Hòa Bình đã chủ trì theo chỉ đạo của TTg Đang xử lý
4		01/01/2019 Hướng dẫn Luật An ninh mạng	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia	01/10/2018	Cục Kiểm soát thủ tục hành chính	Chưa trình	Theo BCA, 02 Nghị định liên quan hướng dẫn Luật An ninh mạng phải được ban hành mới có đủ căn cứ pháp lý để trình ban hành Quyết định này.

5			Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều trong Luật An ninh mạng (khoản 4 Điều 10; khoản 5 Điều 12; khoản 1 Điều 23; khoản 7 Điều 24; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 36)	01/10/2018	Cục Kiểm soát thủ tục hành chính	Đang xử lý	Đang trình TTg
6			Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng (khoản 2 Điều 5)	01/10/2018	Cục Kiểm soát thủ tục hành chính	Đã chuyển lại bộ để tiếp thu, chỉnh lý	Bộ đang phối hợp với Bộ CT tổ chức làm việc với Văn phòng Thương mại Mỹ, trước khi báo cáo TTg
7	Bộ Công Thương (3 văn bản)	01/07/2019	Hướng dẫn Luật Cạnh tranh (sửa đổi) (khoản 2 Điều 9; khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 31; khoản 2 Điều 33; khoản 3 Điều 36; khoản 5 Điều 37; khoản 4 Điều 58)	01/01/2019	Vụ Kinh tế tổng hợp	Đã chuyển lại bộ để tiếp thu, chỉnh lý	Đã xin ý kiến TVCP. Bộ đang tiếp thu, hoàn thiện
8			Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh Quốc gia (khoản 3 Điều 46)	01/01/2019	Vụ Tổ chức hành chính nhà nước và Công vụ	Đã chuyển lại bộ để tiếp thu, chỉnh lý	- Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 10-TTr/BCSD ngày 23/9/2019 xin ý kiến Bộ Chính trị về thành lập Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia. - TTg đã chỉ đạo Bộ Công Thương hoàn thiện. Hiện Bộ chưa trình lại.

9		1/7/2019 Hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch	Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch	1/12/2018	Vụ Công nghiệp	Chưa trình	22/04/2019: Phó thủ tướng Trịnh Đình Dũng đồng ý với Bộ Công thương về việc lùi thời hạn trình đến tháng 12/2019
10	Bộ Giáo dục và Đào tạo	01/07/2019 Hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học	Nghị định quy định chi tiết và thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (khoản 3, 4, 10, 12, 13, 15, 23, 24, 28, 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều)	01/04/2019	Vụ Khoa giáo - Văn xã	Đã chuyển lại bộ để tiếp thu, chỉnh lý	17/10/2019 08:52: Phó thủ tướng Vũ Đức Đam chủ trì họp, chỉ đạo hoàn thiện dự thảo Bộ để tiếp thu, chỉnh lý
11	Luật phòng chống tham nhũng	01/07/2019 Hướng dẫn Luật phòng chống tham nhũng	Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập. (khoản 3 Điều 31; khoản 2 Điều 35; khoản 6 Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 4 Điều 54)	01/04/2019	Vụ I	Đã chuyển lại TTCP để tiếp thu, chỉnh lý	07/11/2019 11:39: Ban cán sự đảng Thanh tra Chính phủ đã có c/v số 174-CV/BCSD ngày 05/11/2019 gửi xin ý kiến Bộ Chính trị về dự thảo ND.



**Phụ lục III**  
**Danh mục văn bản quy định chi tiết các Luật phải trình ban hành trước 15/11/2019**  
(Kèm theo Báo cáo số 11840/BC-VP-CP ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ)

TT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	Luật, pháp lệnh và ngày có hiệu lực	Thời hạn trình	TÊN VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT	TÌNH TRẠNG HIỆN NAY
1.	Bộ Tư pháp (01)	01/01/2016 Luật hộ tịch <sup>(7)</sup>	Tháng 11/2019	Nghị định quy định về việc quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; thủ tục đăng ký hộ tịch trực tuyến	<b>Đang soạn thảo</b> - Thời hạn trình năm 2019 (nội dung của Luật yêu cầu áp dụng từ năm 2020). - Hiện đang dự thảo 1, chưa gửi thẩm định.
2.	Bộ Y tế (02)	01/01/2017 Luật dược		Nghị định quy định hoạt động dược lâm sàng (K.3 Điều 81)	<b>Đang soạn thảo</b> - Ngày 02/5/2018, Bộ Y tế có văn bản số 2370/BYT-PC báo cáo TTg lùi sang 2019 vì nội dung của luật có hiệu lực từ năm 2021. Ngày 09/4/2019, tiếp tục xin lùi sang tháng 9/2020. - Đang soạn thảo, chưa xin ý kiến, thẩm định
3.		01/01/2020 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia	Tháng 11/2019	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (khoản 2 Điều 9, khoản 7 Điều 10, khoản 6 Điều 12, khoản 3 Điều 26)	<b>Đã gửi thẩm định</b>
4.		01/01/2020	Tháng 10/2019	Thông tư quy định về quản lý, sử dụng, lưu giữ mẫu giống cây	<b>Đang soạn thảo</b>

<sup>(7)</sup> Nội dung luật giao quy định chi tiết có hiệu lực từ năm 2020.

	<b>Bộ Nông nghiệp và NPTNT (04)</b>	<b>Luật trồng trọt</b>		trồng; về lấy mẫu giống; kiểm định ruộng giống (khoản 4 Điều 20, khoản 3 Điều 26)	
5.		<b>01/01/2020 Luật chăn nuôi</b>	Tháng 11/2019	Thông tư hướng dẫn quản lý giống vật nuôi (khoản 1 Điều 15, khoản 4)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Thông tư hướng dẫn quản lý thức ăn chăn nuôi (điểm d khoản 3 Điều 34, khoản 4 Điều 37, khoản 1 Điều 44, khoản 2 Điều 46, điểm đ khoản 2 Điều 48, điểm c khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 37) <sup>(8)</sup>	<b>Đang soạn thảo</b> - Thời hạn trình là Tháng 11/2019
				Thông tư hướng dẫn một số quy định về hoạt động chăn nuôi, xử lý chất thải trong chăn nuôi (khoản 3 Điều 8, khoản 2 Điều 54, khoản 3 Điều 55, khoản 3 Điều 65, khoản 2 Điều 68, điểm c khoản 2 Điều 79) <sup>(9)</sup>	<b>Đang soạn thảo</b> Bộ đề xuất đưa ra khỏi danh mục Thông tư quy định về xử lý chất thải trong chăn nuôi (Các nội dung của Thông tư này sẽ được ghép vào dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi).
6.	<b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư (04)</b>	<b>01/01/2020 Luật Đầu tư công (sửa đổi)</b>	Tháng 11/2019	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (khoản 6 Điều 5, khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 28, Điều 32, khoản 3 Điều 34, khoản 6 Điều 35, khoản 6 Điều 40, khoản 6 Điều 43, khoản 2 Điều 45, khoản 5 Điều 59, khoản 2 Điều 65, khoản 4 Điều 66, khoản 9 Điều 67, khoản 4 Điều 97, Điều 99)	<b>Đang gửi thẩm định</b>

<sup>(8)</sup> Theo Quyết định số 1726/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 6 để quy định chi tiết Luật Chăn nuôi, Thủ tướng Chính phủ có giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng 01 Nghị định, 07 thông tư quy định chi tiết luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Bộ Nông nghiệp thấy cần thiết phải gộp 03 nội dung hướng dẫn quản lý thức ăn chăn nuôi; ban hành Danh mục hóa chất, sản phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi; ban hành Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi làm 01 thông tư, do vậy số văn bản cần ban hành để quy định chi tiết luật Chăn nuôi sẽ giảm đi 02 thông tư.

<sup>(9)</sup> Theo Quyết định số 1726/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 6 để quy định chi tiết Luật Chăn nuôi, Thủ tướng Chính phủ có giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng 01 Nghị định, 07 thông tư quy định chi tiết luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Bộ Nông nghiệp thấy cần thiết phải ghép nội dung Thông tư quy định xử lý chất thải chăn nuôi vào dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi, do vậy số văn bản cần ban hành để quy định chi tiết luật Chăn nuôi sẽ là 01 nghị định và 04 thông tư.

				Nghị định thay thế Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2019 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà nước tài trợ nước ngoài và nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2019 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà nước tài trợ nước ngoài	<b>Đang soạn thảo</b>
				Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư (khoản 6 Điều 73, khoản 4 Điều 76)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia (Điều 32, khoản 3 Điều 34, khoản 6 Điều 35, khoản 6 Điều 40, khoản 6 Điều 43, khoản 2 Điều 45)	<b>Đang soạn thảo</b>
7.	<b>Bộ Công an (11)</b>	<b>01/01/2020 Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi)</b>	Thời hạn trình 11/2019	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự (Điều 17, 31, 33, 34, 35, 43, 44, 47, 48, 49, 51, 55, 74, 75, 149 và 151)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Nghị định quy định chi tiết về tái hòa nhập cộng đồng cho phạm nhân (Điều 45)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Nghị định quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc (Điều 82)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Nghị định quy định chi tiết chế độ ăn, ở, sinh hoạt, thăm gặp, khám bệnh, chữa bệnh đối với người chấp hành án phạt trực xuất trong thời gian lưu trú tại cơ sở lưu trú, chi phí mai táng đối với người chấp hành án phạt trực xuất chết tại cơ sở lưu trú (Điều 121)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Nghị định quy định chi tiết thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại và chuyển giao nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại tổ chức lại (khoản 4 Điều 160, khoản 6 Điều 164, Điều 165)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Nghị định quy định chi tiết về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại (khoản 3 Điều 163)	<b>Đang soạn thảo</b>



				Nghị định quy định chi tiết về cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự (Điều 173)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Y tế, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn tổ chức thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc (Điều 82)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự trong Công an nhân dân (khoản 4 Điều 11)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục đồ vật cấm đưa vào trại giam (khoản 3 Điều 28)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc (khoản 4 Điều 68)	<b>Đang soạn thảo</b>
8.	<b>Bộ Quốc phòng (02)</b>	<b>01/01/2020 Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi)</b>	Tháng 10/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân (khoản 4 Điều 11)	<b>Đang soạn thảo</b>
9.			Tháng 11/2019	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục đồ vật cấm đưa vào trại giam (khoản 3 Điều 28)	<b>Đang soạn thảo</b>
10.	<b>Bộ Công Thương (02)</b>	<b>01/01/2020 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia</b>	Tháng 11/2019	Nghị định quy định quản lý kinh doanh rượu (khoản 5 Điều 15)	<b>Đang soạn thảo</b>
				Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn biểu mẫu kê khai của hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh (khoản 1 Điều 17)	<b>Đang soạn thảo</b>